CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng công ty May 10 - CTCP

Ngày 31/12/2025	22,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.8%	**5.7%**	**4.7%**

DT thuần
Q4/25
1,287
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.0| -1.8%
YoY: ▼19.0| -1.5%

LN thuần
Q4/25
65.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.70| 7.7%
YoY: ▲ 25.9| 66.0%

LN sau thuế
Q4/25
54.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.50| 11.3%
YoY: ▲ 34.2| 173%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.8%
YoY: +/-▲ 1.2%

ROE
2025
28.4%
YoY: +/-▲ 10.7%

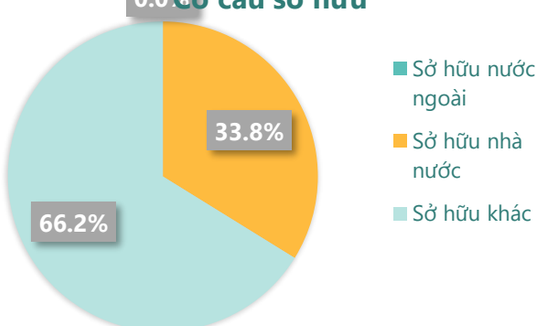
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	16,890 - 26,067
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	705
Số lượng CPLH (CP)	31,750,756
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,595
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.61
EPS	5,609
P/E	4.0

DT thuần
2025
5,011
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 364| 7.8%

LN thuần
2025
212
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 70.0| 49.0%

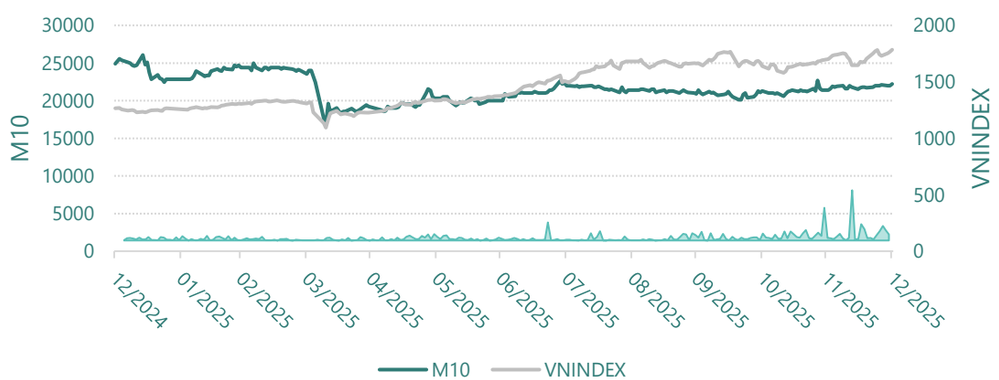
LN sau thuế
2025
178
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 80.2| 82.1%

Cơ cấu sở hữu

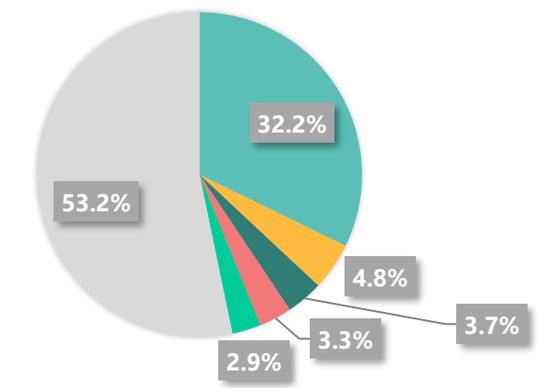


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

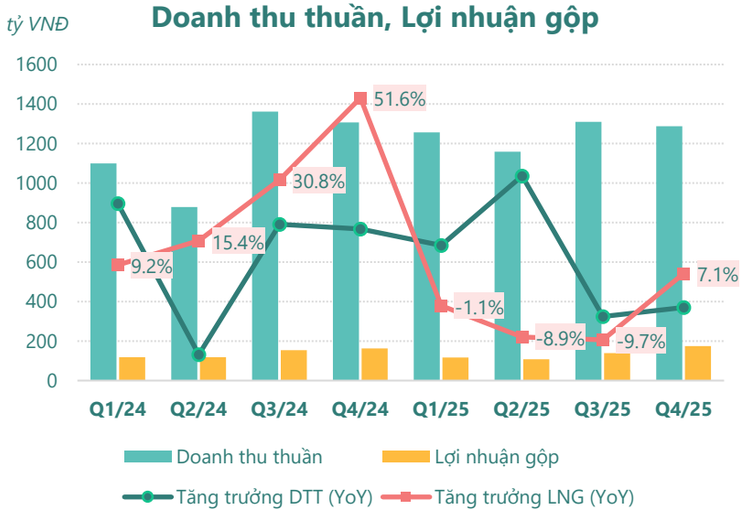


- Tập đoàn Dệt may Việt Nam
- Vũ Đức Giang (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thiên Lý
- Nguyễn Thị Thanh Huyền
- Phạm Bích Hồng (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

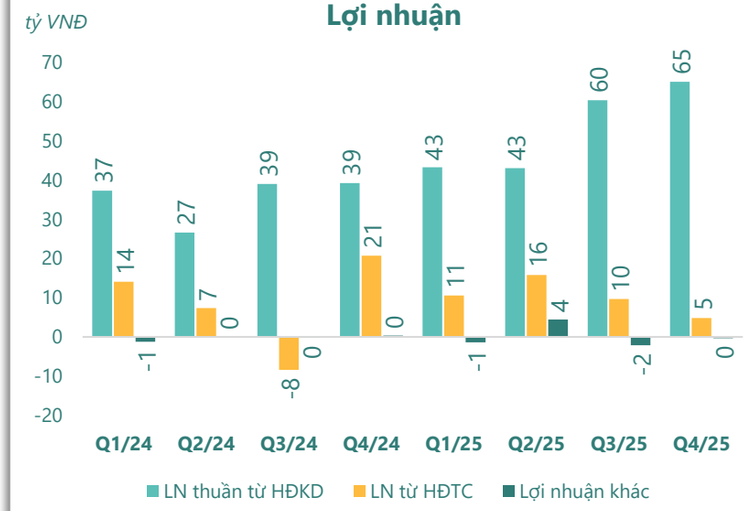
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



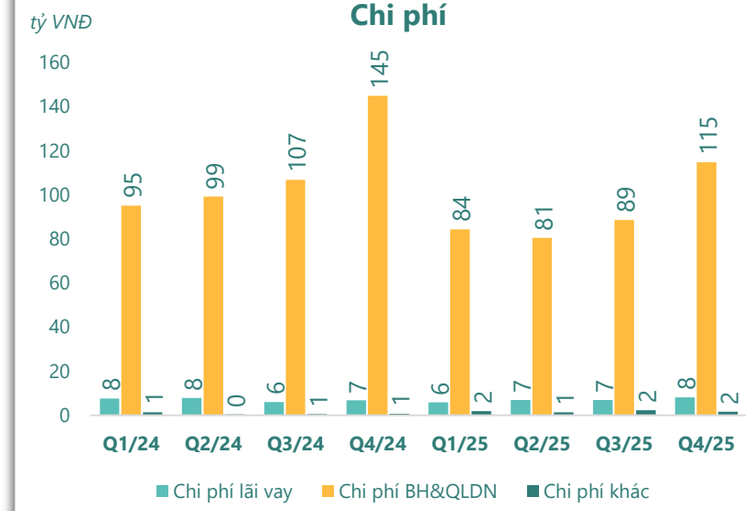
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



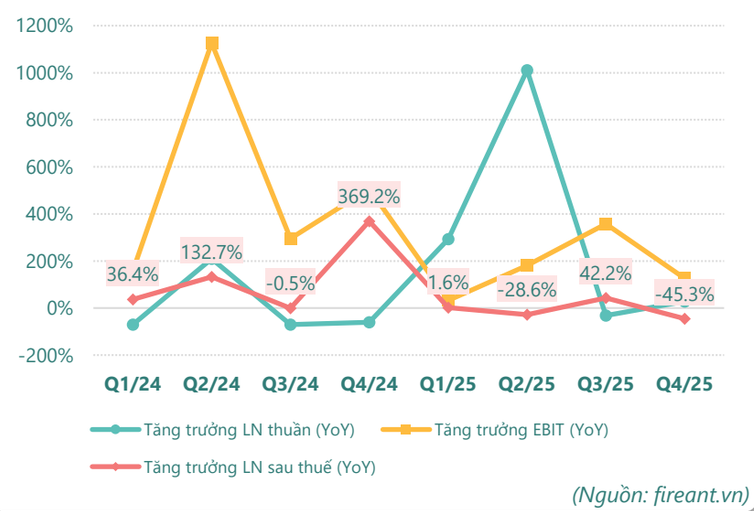
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



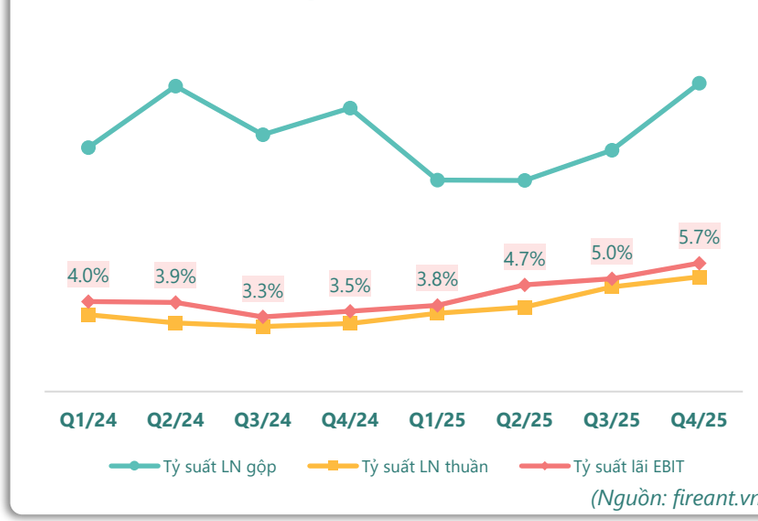
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



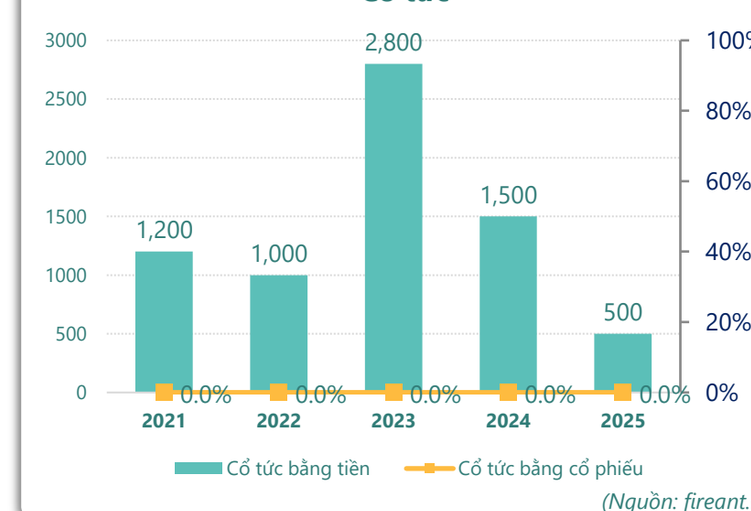
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

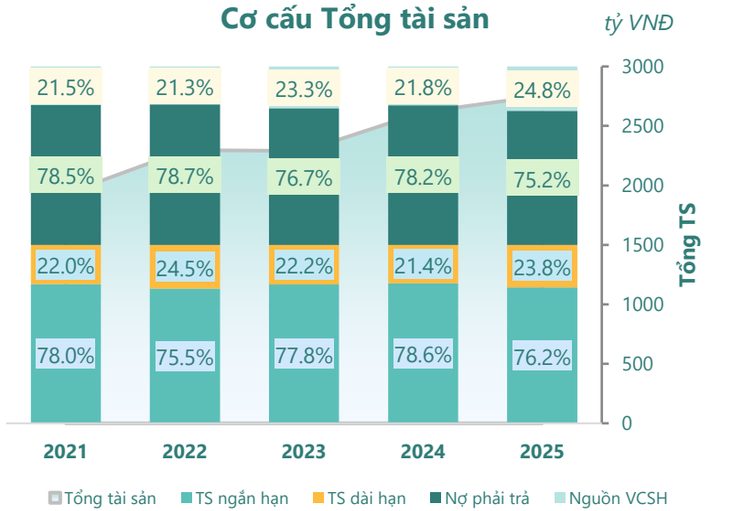
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

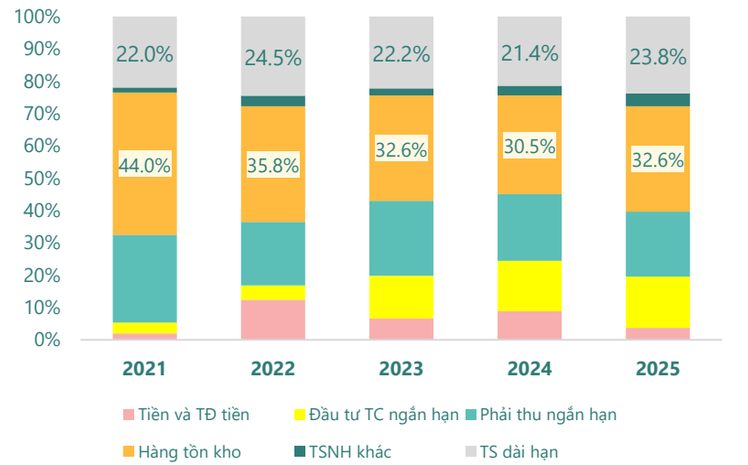
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



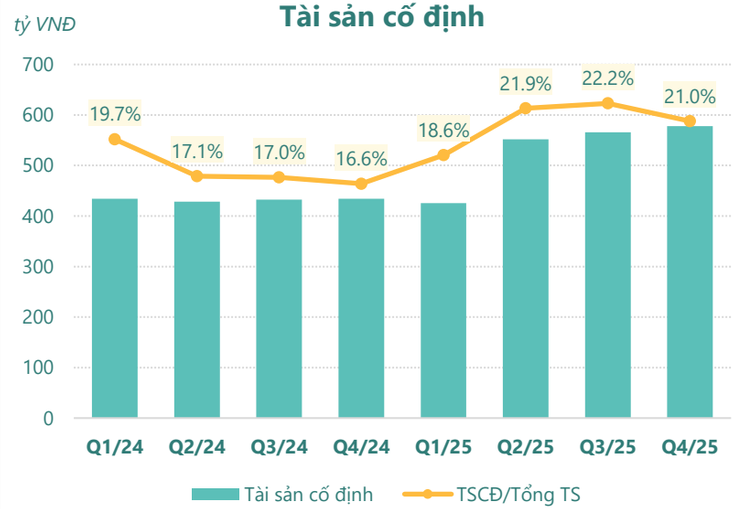
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



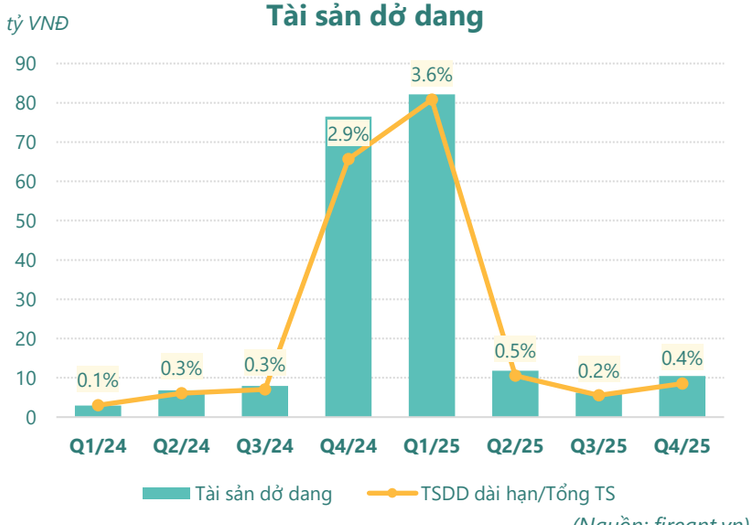
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



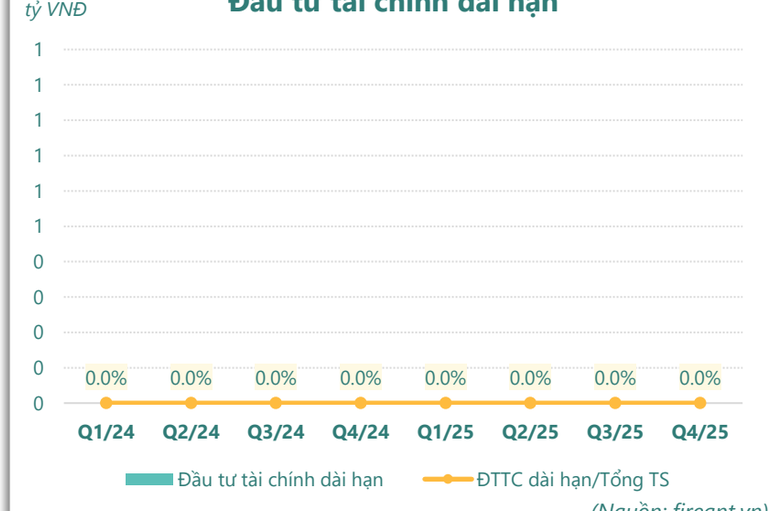
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



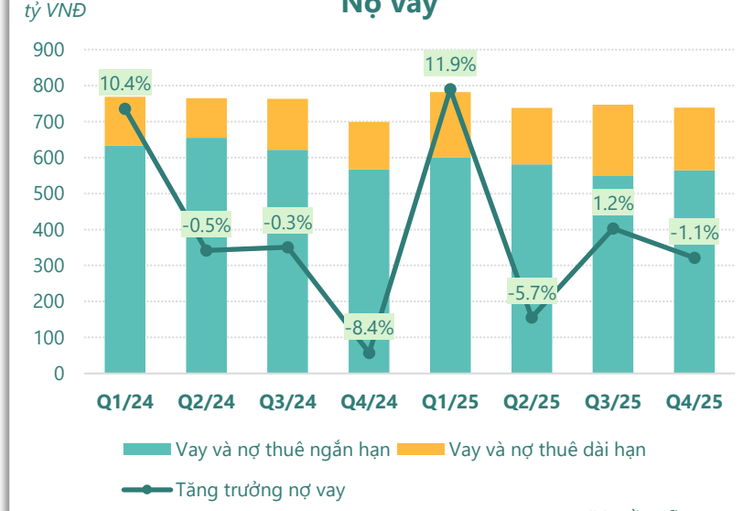
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

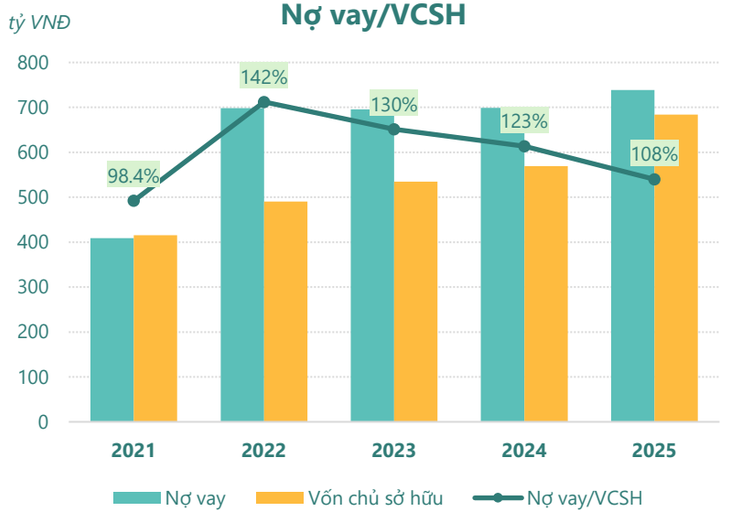
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

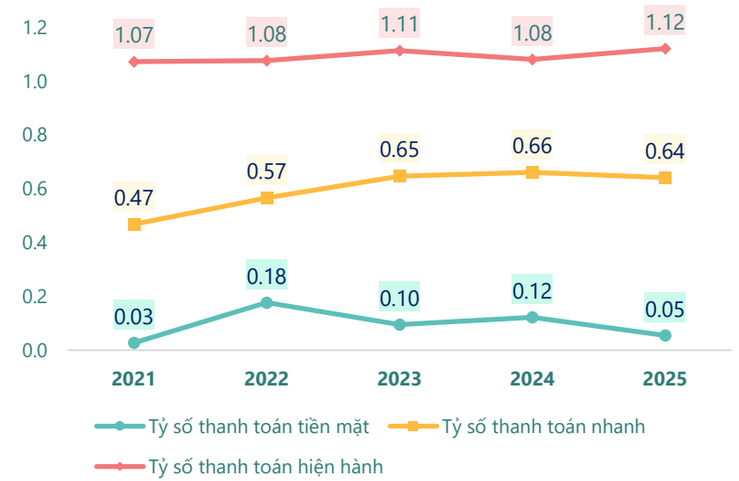
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



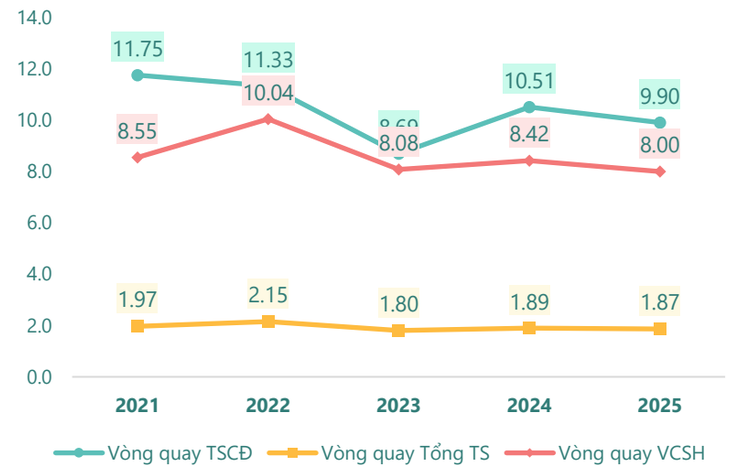
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



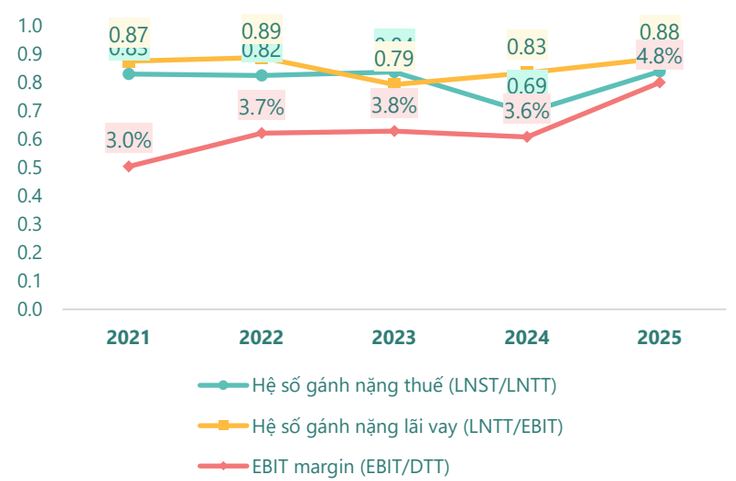
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



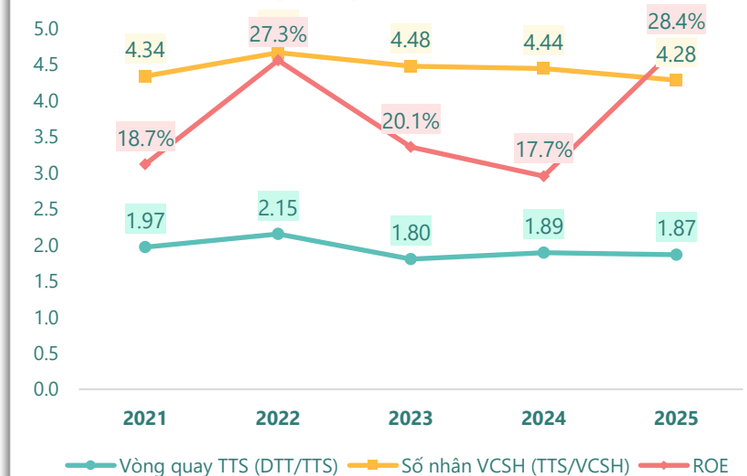
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



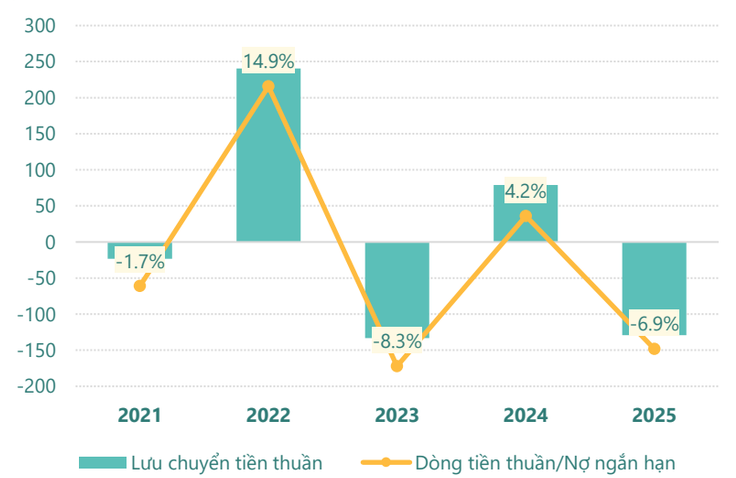
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,287**	**1,306**	**-1.5%**	**5,011**	**4,647**	**7.8%**
Giá vốn hàng bán	1,112	1,143	-2.7%	4,472	4,092	9.3%
Lợi nhuận gộp	175	163	7.3%	539	554	-2.7%
Doanh thu HĐTC	28.0	44.7	-37.3%	115	121	-4.8%
Chi phí TC	23.2	23.9	-2.9%	74.1	87.0	-14.8%
Chi phí lãi vay	8.09	6.75	19.9%	27.8	28.3	-1.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	86.7	69.2	25.3%	254	193	31.4%
Chi phí QLDN	**28.0**	**75.6**	**-63.0%**	**114**	**253**	**-54.9%**
LN thuần từ HĐKD	65.1	39.2	66.0%	212	142	49.0%
Lợi nhuận khác	**-0.31**	**0.31**	**-201%**	**0.61**	**-1.12**	**154%**
LN trước thuế	64.8	39.5	64.0%	212	141	50.7%
Lợi nhuận sau thuế	**54.0**	**19.8**	**173%**	**178**	**97.8**	**82.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**54.0**	**19.8**	**173%**	**178**	**97.8**	**82.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	212	184	-45.0	44.7	123	-12.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-152	-46.5	-40.3	-56.9	-110	-31.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.97	-72.3	57.2	-44.7	-10.6	-2.75
Tiền đầu kỳ	97.4	166	232	203	146	147
Lưu chuyển tiền thuần	**69.2**	**65.1**	**-28.1**	**-57.0**	**2.78**	**-46.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.83	0.94	-0.68	-0.22	-1.61	1.80
Tiền cuối kỳ	166	232	203	146	147	102

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,753**	**2,616**	**5.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,099	2,055	2.2%
Tiền và tương đương tiền	102	232	-56.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	437	408	6.9%
Phải thu ngắn hạn	552	538	2.6%
Hàng tồn kho	898	798	12.6%
Tài sản ngắn hạn khác	110	78.7	40.1%
Tài sản dài hạn	**654**	**561**	**16.6%**
Phải thu dài hạn	8.73	9.64	-9.4%
Tài sản cố định	578	434	33.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.5	76.5	-86.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**57.1**	**40.8**	**39.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,069	2,047	1.1%
Nợ ngắn hạn	**1,872**	**1,901**	**-1.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	565	567	-0.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	771	808	-4.6%
Nợ dài hạn	197	146	35.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	174	131	32.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**684**	**569**	**20.2%**
Vốn chủ sở hữu	**684**	**569**	**20.2%**
Vốn điều lệ	318	318	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)